

Số: 745/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lý lịch tư pháp; Danh mục 09 thành phần hồ sơ phải số hoá của 03 thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp; Danh mục 01 thủ tục hành chính tái sử dụng có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính khác lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần bởi: khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Điều 20 Nghị quyết số 96/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính);

Căn cứ Điều 21a, điểm c Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính);

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 tháng 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Điều 10, Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (*có Phụ lục I - Danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang chi tiết kèm theo*).

2. Danh mục 09 thành phần hồ sơ phải số hoá của 03 thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (*có Phụ lục II - Danh mục 09 thành phần hồ sơ phải số hoá của 03 thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang chi tiết kèm theo*).

3. Danh mục 01 thủ tục hành chính tái sử dụng có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính khác lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (*có Phụ lục III - Thủ tục hành chính tái sử dụng có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính khác chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Cập nhật, công khai Danh mục, nội dung của thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. **Thời gian hoàn thành trong 02 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.**

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện quy trình điện tử theo quy định và xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này. **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.**

c) Thực hiện cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang. **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.**

d) Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tham mưu đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để các cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

c) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc, hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký:

1. Bãi bỏ danh mục 03 thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp thứ tự số 1, 2, 3 tại mục I, Phụ lục II (*Danh mục 116 thủ tục hành chính cấp tỉnh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang*) ban hành kèm theo Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang công bố Danh mục 181 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

2. Bãi bỏ thành phần hồ sơ phải số hóa thuộc lĩnh vực lý lịch tư pháp tại Phần A, mục III Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang công bố Danh mục 7.519 thành phần hồ sơ phải số hóa của 1.736 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; (báo cáo)
- Bộ Tư pháp; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng NC-VPUBND tỉnh (đ/c Loan);
- Lưu: VT, THCBKS (Huyện).

Hoàng Việt Phương

PHỤ LỤC I
DANH MỤC 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 745/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	Dịch vụ BCCI
1	2.000488	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	<p>- <i>Trực tiếp:</i> <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính, Sở Tư pháp).</i></p> <p>- <i>Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</i></p> <p>- <i>Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.</i></p>	+ Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người. + Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người. Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo và Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12. + Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung năm 2023. + Luật Cư trú số 68/2020/QH14. + Luật Căn cước số 26/2023/QH15. + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. + Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. + Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. + Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. + Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. + Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + <i>Thông tư số 06/2024/TT-BTP ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.</i> 	x	x

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	Dịch vụ BCCI
2	2.000505	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	<ul style="list-style-type: none"> + <i>Gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp.</i> + <i>Gửi văn bản yêu cầu qua dịch vụ bưu chính.</i> + <i>Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.</i> 	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12. + Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung năm 2023. + Luật Cư trú số 68/2020/QH14. + Luật Căn cước số 26/2023/QH15. + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. + Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. + Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. + Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. + Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. + Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + <i>Thông tư số 06/2024/TT-BTP ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.</i> 	X	X

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	Dịch vụ BCCI
3	2.001417	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày. Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.	+ <i>Gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp.</i> + <i>Gửi văn bản yêu cầu qua dịch vụ bưu chính.</i> + <i>Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.</i> <i>Trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng có thể yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua điện thoại, fax hoặc bằng các hình thức khác và có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.</i>	Không	+ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12. + Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung năm 2023. + Luật Cư trú số 68/2020/QH14. + Luật Căn cước số 26/2023/QH15. + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. + Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. + Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. + Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. + Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. + Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + <i>Thông tư số 06/2024/TT-BTP ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu, mẫu sổ lý lịch tư pháp.</i>	X	X

Ghi chú: Phần in nghiêng và phần sửa đổi, bổ sung.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC 09 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ CỦA 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
LÝ LỊCH TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 745/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 Của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT		Tên TTHC/DVC
1		Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam
1	1	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu quy định (<i>Mẫu số 03/2024/LLTP; Mẫu số 04/2024/LLTP; Mẫu số 12/2024/LLTP; Mẫu số 13/2024/LLTP</i>) ¹
2	2	Kết quả trả lời tra cứu, xác minh về thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, đơn vị: Cơ quan công an; Tòa án nhân dân; Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan
3	3	Kết quả giải quyết TTHC: Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (<i>Mẫu số 06/2024/LLTP</i>), Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (<i>Mẫu số 07/2024/LLTP</i>)
2		Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)
1	4	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (<i>Mẫu số 05/2024/LLTP, Mẫu số 14/2024/LLTP</i>) ²
2	5	Kết quả trả lời tra cứu, xác minh về thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, đơn vị: Cơ quan công an; Tòa án nhân dân; Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan
3	6	Kết quả giải quyết TTHC: Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (<i>Mẫu số 06/2024/LLTP</i>)

¹ Trường hợp người có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh thì sử dụng Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác theo Mẫu số 12/2024/LLTP; Mẫu số 13/2024/LLTP.

² Trường hợp cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh thì sử dụng mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác theo Mẫu số 14/2024/LLTP.

STT		Tên TTHC/DVC
3		Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)
1	7	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (<i>Mẫu số 05/2024/LLTP; Mẫu số 14/2024/LLTP</i>) ³
2	8	Kết quả trả lời tra cứu, xác minh về thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, đơn vị: Cơ quan công an; Tòa án nhân dân; Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan
3	9	Kết quả giải quyết TTHC: Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (<i>Mẫu số 06/2024/LLTP</i>), Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (<i>Mẫu số 07/2024/LLTP</i>)

³ Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh thì sử dụng mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác theo Mẫu số 14/2024/LLTP./.

PHỤ LỤC III
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TÁI SỬ DỤNG
CÓ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT LÀ THÀNH PHẦN HỒ SƠ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÁC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 745/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 Của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên TTHC có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của TTHC nêu tại cột 3 của Biểu này	Tên TTHC có thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết của TTHC nêu tại cột 2 của Biểu này
1	2	3
1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	<p>(1) Nhập quốc tịch Việt Nam</p> <p>(2) Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước</p> <p>(3) Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước</p> <p>(4) Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng</p> <p>(5) Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cho làm con nuôi</p> <p>(6) Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi</p> <p>(7) Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp đối với trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm không phải là công chức, viên chức, sỹ quan quân đội, công an, quân nhân chuyên nghiệp</p> <p>(8) Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân</p> <p>(9) Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản</p>

STT	Tên TTHC có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của TTHC nêu tại cột 3 của Biểu này	Tên TTHC có thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết của TTHC nêu tại cột 2 của Biểu này
1	2	3
	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	(10) Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
		(11) Đăng việc nuôi con nuôi trong nước
		(12) Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam
